

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 196/2021/DS-PT

Ngày 11/11/2021

*V/v: Tranh chấp hợp đồng  
giao khoán.*

**CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lưu Thị Thu Hương.

*Các Thẩm phán:* Ông Y Phi Kbuôr và ông Nguyễn Duy Thuấn.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Tạ Thị Ngọc Diệp - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đăk Lăk.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đăk Lăk tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Hải Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đăk Lăk xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 182/2021/TLPT-DS ngày 17/8/2021 về "*Tranh chấp hợp đồng thuê khoán*". Do bản án dân sự sơ thẩm số 213/2021/DS-ST ngày 06/7/2021 của Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đăk Lăk bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 187/2021/QĐPT-DS ngày 14/10/2021, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:**

1. Ông Bùi Hữu S. Nơi cư trú: Thôn 17, xã H Đ, huyện Krông P, tỉnh Đăk Lăk. – Vắng mặt.

2. Ông Nguyễn Lệ H. Nơi cư trú: Thôn 17, xã H Đ, huyện Krông P, tỉnh Đăk Lăk. – Vắng mặt.

3. Ông Nguyễn Duy Đ. Nơi cư trú: Thôn 17, xã H Đ, huyện Krông P, tỉnh Đăk Lăk. – Vắng mặt.

**- Bị đơn:** Công ty Cổ phần cà phê Thắng L.

Địa chỉ: Km 17, Quốc lộ 26, xã H Đ, huyện Krông P, tỉnh Đăk Lăk.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đỗ Hoàng Ph, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông Phạm Đình B - Có mặt.

Địa chỉ: 65 Trần Nhật D, phường Tân L, Tp. Buôn Ma Th, tỉnh Đăk Lăk.  
(Theo văn bản ủy quyền số 517, 519, 523/GUQ ngày 04 tháng 9 năm 2020).

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

**\* Nguyên đơn ông Bùi Hữu S trình bày:**

Ngày 27 tháng 8 năm 2011, ông Bùi Hữu S với Công ty TNHH MTV cà phê Thắng L (Nay là Công ty Cổ phần cà phê Thắng L – sau đây viết tắt là Công ty)

đã ký với nhau 02 Hợp đồng khoán gọn, gồm hợp đồng số 1321a/2011/HĐ-GK và hợp đồng số 1321b/2011/HĐ-GK. Cụ thể:

- Đối với Hợp đồng khoán gọn số 1321a/2011/HĐ-GK: ông Bùi Hữu S nhận khoán vườn cây cà phê có diện tích 5.185m<sup>2</sup>, diện tích bờ lô 753m<sup>2</sup>. Nguyên giá vườn cây khi nhận khoán có giá là: 31.827.575đồng. Giá trị vườn cây còn lại: 19.668.267đồng. Phần giá trị vườn cây trên đất Công ty góp 51%, chủ hộ góp 49%. Thời hạn giao khoán là 09 năm, tính từ ngày ký kết hợp đồng.

- Đối với hợp đồng khoán gọn số 1321b/2011/HĐ-GK: ông Bùi Hữu S nhận khoán vườn cây cà phê có diện tích 5.060m<sup>2</sup>, diện tích bờ lô 735m<sup>2</sup>. Nguyên giá vườn cây khi nhận khoán có giá là: 28.520.951đồng; Giá trị vườn cây còn lại: 17.743.851đồng. Phần giá trị vườn cây trên đất Công ty góp 51%, chủ hộ góp 49%. Thời hạn giao khoán là 10 năm, tính từ ngày ký kết hợp đồng.

Kể từ khi nhận khoán vườn cây cho đến niên vụ cà phê 2017-2018, ông Bùi Hữu S đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ theo Hợp đồng đã ký với Công ty. Tuy nhiên, đến năm 2018 thì ông S phát hiện Công ty có sự gian lận. Cụ thể: Công ty đã gian lận chi phí nhân công, gian lận sản phẩm cà phê quả tươi làm thành cà phê quy nhân cho diện tích 01ha của ông trong 07 năm (từ năm 2011-2017) và gian lận tiền thủy lợi phí tiền khấu hao kênh mương trong 20 năm (từ năm 1998-2018) mà Công ty đã thu của ông luôn phần 51% lẽ ra Công ty phải chịu.

Do đó, ông Bùi Hữu S đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết: Buộc Công ty Cổ phần cà phê Thắng L phải trả lại chi phí nhân công trong 07 năm là: 86.954.753,2đồng; Phải trả lại số cà phê quả tươi đã gian lận trong 07 năm là: 24.304.000đồng; Phải trả lại cho ông số tiền thủy lợi phí tiền khấu hao kênh mương là 5.100.000đồng. Tổng cộng là: 116.358.753,2đồng.

Tại phiên tòa sơ thẩm, ông Bùi Hữu S xin sửa đổi và rút một phần nội dung yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu Công ty Cổ phần cà phê Thắng L phải trả lại đối với tổng số tiền 111.808.138,2đồng (Một trăm mười một triệu, tám trăm lẻ tám nghìn, một trăm ba mươi tám phẩy hai đồng). Đối với số tiền còn lại là 4.550.615đồng là tiền thủy lợi phí tiền khấu hao kênh mương cho diện tích 1,0245ha (từ năm 2011-2017) thì ông Bùi Hữu S sửa đổi thành tiền chi phí bơm nước từ trạm bơm lên bể trung chuyển đơn vị 19/8 thì đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết buộc Công ty Cổ phần cà phê Thắng L phải trả lại cho ông.

**\* Nguyên đơn ông Nguyễn Lệ H trình bày:**

Vào ngày 27/8/2011, giữa ông H và Công ty TNHH MTV cà phê Thắng L đã ký Hợp đồng khoán gọn số 445/2011/HĐ-GK với nhau. Theo hợp đồng khoán gọn thì ông H đã nhận khoán chăm sóc vườn cây cà phê có diện tích 10.832m<sup>2</sup>, diện tích bờ lô 1.573m<sup>2</sup>. Nguyên giá vườn cây khi nhận khoán có giá là: 67.697.327đồng. Giá trị vườn cây còn lại: 60.927.594đồng. Phần giá trị vườn cây trên đất Công ty góp 51%, chủ hộ góp 49%. Thời hạn giao khoán là 15 năm, tính từ ngày ký kết hợp đồng. Kể từ khi nhận khoán vườn cây cho đến niên vụ cà phê 2017-2018, ông H đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ theo Hợp đồng đã ký với Công ty. Tuy nhiên, đến năm 2018 thì ông H phát hiện Công ty có sự gian lận. Cụ thể: ông H phát hiện Công ty đã gian lận chi phí nhân công, sản phẩm cà phê quả tươi làm thành cà phê quy nhân cho diện tích 01ha của ông H trong 07 năm (từ năm 2011-2017) và gian lận tiền thủy lợi phí tiền khấu hao kênh mương trong 20 năm

(từ năm 1998-2018) mà Công ty đã thu của ông H phần 51% lẽ ra Công ty phải chịu.

Do đó, ông H đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết: Buộc Công ty Cổ phần cà phê Thắng L phải trả lại chi phí nhân công trong 07 năm là: 86.954.753,2đồng; phải trả lại số cà phê quả tươi trong 07 năm là: 24.304.000đồng và phải trả lại cho ông H số tiền thủy lợi phí tiền khấu hao kênh mương (từ năm 1998-2018) là 5.100.000đồng. Tổng cộng là: 116.358.753,2 đồng.

Tại phiên tòa, ông H xin rút toàn bộ nội dung yêu cầu khởi kiện của ông H với Công ty. Ngoài ra không có yêu cầu gì thêm.

***\* Nguyên đơn ông Nguyễn Duy Đ trình bày:***

Vào ngày 27/8/2011, giữa ông Đ và Công ty TNHH MTV cà phê Thắng L đã ký Hợp đồng khoán gọn số 446/2011/HĐ-GK với nhau. Theo hợp đồng thì ông Đ đã nhận khoán chăm sóc vườn cây cà phê có diện tích 10.900m<sup>2</sup>, diện tích bờ lô 1.583m<sup>2</sup>. Nguyên giá vườn cây khi nhận khoán có giá là: 68.122.311đồng. Giá trị vườn cây còn lại: 61.310.080đồng. Phần giá trị vườn cây trên đất Công ty góp 51%, chủ hộ góp 49%. Thời hạn giao khoán là 15 năm, tính từ ngày ký kết hợp đồng.

Kể từ khi nhận khoán vườn cây cho đến niên vụ cà phê 2017-2018, ông Đ đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ theo Hợp đồng giao khoán vườn cây đã ký với Công ty. Tuy nhiên, đến năm 2018 thì ông Đ phát hiện Công ty có sự gian lận. Cụ thể: Công ty đã gian lận chi phí nhân công và gian lận sản phẩm cà phê quả tươi làm thành cà phê quy nhân cho diện tích 01ha trong 07 năm (từ năm 2011-2017), gian lận tiền thủy lợi phí tiền khấu hao kênh mương trong 20 năm (từ năm 1998-2018) mà Công ty đã thu của ông Đ luôn phần 51% lẽ ra Công ty phải chịu.

Do đó, ông Đ khởi kiện đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết: Buộc Công ty Cổ phần cà phê Thắng L phải trả lại chi phí nhân công là: 86.954.753,2đồng; phải trả lại số cà phê quả tươi là: 24.304.000đồng và phải trả lại cho số tiền thủy lợi phí tiền khấu hao kênh mương (từ năm 1998-2018) là 5.100.000đồng. Tổng cộng là: 116.358.753,2 đồng.

Tại phiên tòa sơ thẩm, ông Đ xin rút một phần nội dung yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu Công ty Cổ phần cà phê Thắng L phải trả lại đối với tổng số tiền 114.450.333,2đồng. Đối với số tiền còn lại 1.908.420đồng là tiền thủy lợi phí tiền khấu hao kênh mương cho diện tích nhận khoán 1,09ha (từ năm 2011-2016) thì đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết buộc Công ty phải trả lại.

***\* Quá trình làm việc tại Tòa án, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn Công ty Cổ phần cà phê Thắng L, ông Phạm Đình B trình bày:***

Công ty Cổ phần cà phê Thắng L thừa nhận là giữa Công ty với ông Bùi Hữu S, Nguyễn Lệ H, ông Nguyễn Duy Đ có ký hợp đồng khoán gọn vườn cây cà phê với nhau như các ông trình bày. Kể từ khi nhận khoán vườn cây cho đến niên vụ cà phê 2017-2018 thì ông S, ông H, ông Đ đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ giao nộp sản phẩm theo Hợp đồng giao khoán đã ký với Công ty. Tuy nhiên, đến niên vụ thu hoạch cà phê 2018-2019 và 2019-2020, thì các ông đã không thực hiện nghĩa vụ giao nộp sản phẩm cà phê quả tươi cho Công ty theo đúng cam kết trong Hợp đồng. Tuy nhiên, Công ty chưa khởi kiện.

Nay ông Bùi Hữu S, ông Nguyễn Lê H, ông Nguyễn Duy Đ khởi kiện Công ty với nội dung như trên thì Công ty Cổ phần cà phê Thắng L hoàn toàn không đồng ý. Lý do là vì: Giữa ông Bùi Hữu S, ông Nguyễn Lê H, ông Nguyễn Duy Đ với Công ty TNHH MTV cà phê Thắng L đã ký hợp đồng khoán gọn vườn cây cà phê cho hộ nông trường viên với nhau là dựa vào Nghị định số 135/2005/NĐ-CP ngày 08/11/2005 của Chính phủ, Thông tư số 102/2006/TT-BNN ngày 13/11/2006 của Bộ nông nghiệp và phát triển nông thôn, Quyết định số 1399/QĐ-UBND ngày 08/6/2011 của UBND tỉnh Đắk Lắk, Nghị quyết hội nghị đại biểu người lao động ngày 26/3/2010, Biên bản họp mở rộng tham gia góp ý kiến phương án khoán gọn vườn cà phê ngày 10 tháng 02 năm 2011 và từ kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2010 của Công ty, Phương án khoán gọn vườn cây cà phê cho hộ nông trường viên mà nòng cốt của phương án là trên cơ sở kế thừa và có sửa đổi “Phương án Hợp đồng hợp tác đầu tư & phân chia sản phẩm” mà Công ty đã thực hiện từ năm 1998 đến năm 2010.

*Tại bản án số 240/2021/DS-ST ngày 14/7/2021 của Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:*

- Căn cứ Điều 5, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm c khoản 1 Điều 217, Điều 218, Điều 219, khoản 2 Điều 227, Điều 244, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2015; Các Điều 388, 390, 392, 409, 412, 414, 501, 502, 503, 506 của Bộ luật dân sự năm 2005; Các Điều 7, 8, 9, 10, 12 của Nghị định số 135/2005/NĐ-CP ngày 08 tháng 11 năm 2005 của Chính phủ; Thông tư số 102/2006/TT-BNN ngày 13 tháng 11 năm 2006 của Bộ nông nghiệp và phát triển nông thôn hướng dẫn một số điều của Nghị định số 135/2005/NĐ-CP ngày 08 tháng 11 năm 2005 của Chính phủ; Luật đất đai năm 2003.

- Căn cứ Điều 24, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Bùi Hữu S:

1.1 Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Bùi Hữu S về việc: Buộc Công ty Cổ phần cà phê Thắng L phải trả cho ông tiền chi phí bơm nước từ trạm bơm lên bể trung chuyển bể đơn vị 19/8 cho diện tích 1,0245ha (từ năm 2011-2017) là 4.550.615đồng.

1.2 Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông Bùi Hữu S đối với tổng số tiền 111.808.138,2đồng. Ông Bùi Hữu S được quyền khởi kiện lại đối với số tiền trên theo quy định của pháp luật.

2. Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Lê H:

Đình chỉ toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Lê H về việc: Buộc Công ty Cổ phần cà phê Thắng L phải trả lại cho ông tổng số tiền là 116.358.753,2đồng. Ông Nguyễn Lê H được quyền khởi kiện lại đối với số tiền trên theo quy định của pháp luật.

3. Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Duy Đ:

3.1 Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Duy Đ về việc: Buộc Công ty Cổ phần cà phê Thắng L phải trả lại cho ông số tiền thủy lợi phí tiền khấu hao kênh mương cho diện tích nhận khoán 1,09ha (từ năm 2011-2016) với số tiền là 1.908.420đồng.

3.2 Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Duy Đ đối với tổng số tiền là 114.450.333,2đồng. Ông Nguyễn Duy Đ được quyền khởi kiện lại đối với số tiền trên theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về về lãi suất trong giai đoạn thi hành án, án phí và quyền kháng cáo cho các đương sự.

Ngày 23/7/2021, bị đơn Công ty cổ phần cà phê Thắng L kháng cáo bản án sơ thẩm cho rằng bản án sơ thẩm xét xử chưa khách quan, vi phạm khoản 1 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Việc buộc công ty phải trả tiền khấu hao hồ đập, kênh mương cho các nguyên đơn nêu trên và chi phí bơm nước lên bể trung chuyển đội 19/8 là không hợp lý, chưa đúng với quy định pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện ủy quyền của bị đơn vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo và cho rằng đối với ông S thì Công ty hoàn toàn không thu tiền thủy lợi phí khấu hao kênh mương. Đối với các nội dung mà cấp sơ thẩm đã đình chỉ giải quyết thì bị đơn đồng ý và không kháng cáo.

#### ***Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk:***

- Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Sau khi phân tích, đánh giá các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án Dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc.

#### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án, thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các tài liệu, chứng cứ, lời trình bày của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên, HĐXX nhận định như sau:*

[1] Xét kháng cáo của bị đơn cho rằng bản án sơ thẩm vi phạm khoản 1 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự về xem xét việc thay đổi, bổ sung, rút yêu cầu khởi kiện, Hội đồng xét xử xét thấy:

Đối với yêu cầu khởi kiện của ông Bùi Hữu S, sửa đổi yêu cầu từ số tiền thủy lợi phí tiền khấu hao kênh mương thành tiền chi phí bơm nước từ trạm bơm lên bể trung chuyển đơn vị 19/8, mặc dù có khác biệt về cách gọi tên nhưng đều thể hiện yêu cầu khởi kiện liên quan đến tiền khấu hao kênh mương, hồ đập đã thu (phần 51%) từ năm 2011-2017, số tiền ông S kiện đòi lại nằm trong danh sách các hộ nhận khoán đã nhận và chưa nhận lại tiền kênh mương Công ty thu sai phần 51% giai đoạn 2011-2017 do chính Công ty lập. Do đó Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm đã chấp nhận việc thay đổi yêu cầu của đương sự là không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện ban đầu và đúng quy định tại khoản 1 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Đối với kháng cáo của bị đơn cho rằng cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là không đúng quy định pháp luật, Hội đồng xét xử xét thấy:

Trên cơ sở đơn xin hợp đồng khoán gọn vườn cây cà phê cho hộ nông trường viên của ông Bùi Hữu S và ông Nguyễn Duy Đ, vào ngày 27 tháng 8 năm 2011, giữa Công ty TNHH MTV cà phê Thắng L với ông Bùi Hữu S có ký kết hợp 02 đồng khoán gọn theo hợp đồng số 1321a/2011/HĐ-GK và hợp đồng số 1321b/2011/HĐ-GK; Công ty TNHH MTV cà phê Thắng L ký kết với ông Nguyễn Duy Đ đồng hợp đồng khoán gọn số 446/2011/HĐ-GK. Hợp đồng giao khoán được các bên tự nguyện giao kết, có hình thức và nội dung phù hợp với quy định tại các Điều 388; 389; 401 và Điều 503 của BLDS năm 2005.

Trước khi ký kết Hợp đồng giao khoán, Công ty là người xây dựng, soạn thảo và ban hành phương án khoán gọn vườn cà phê cho các hộ nông trường viên vào ngày 28/01/2011. Tại trang 9 mục 4.1 phần thứ 2 của Phương án ghi “Chỉ tiêu chi phí khấu hao hồ đập, kênh mương 500.000đ/ha/năm, phần 51%(Công ty) là 255.000đ, phần 49%(hộ nhận khoán) là 245.000đ”.

Tại trang 10 mục 4.3 phần thứ 2 của Phương án ghi “sản lượng phần 51-49 2.800kg, phần giao nộp 51% là 1.428kg, phần 49% là 1.372kg. Từ số liệu trên công ty xây dựng định mức giao khoán như sau: Chi phí phần 51% là 713kg; Định mức sản lượng giao nộp khoán gọn 1.428kg - 713kg = 715kg (quy tròn 700kg). Chi phí 51% quy nhân 731kg cà phê nhân; Định mức khoán gọn giao nộp 7 tạ nhân/ha/năm là mức cao nhất trong chu kỳ kinh doanh của vườn cà phê”.

Như vậy, định mức khoán gọn cố định tối đa mà người nhận khoán phải giao nộp cho công ty là 700kg cà phê nhân/ha/năm.

Xét thấy, phương án khoán gọn do phía Công ty soạn thảo, xây dựng và ban hành, được UBND tỉnh Đắk Lắk phê duyệt tại Quyết định số 1399/QĐ-UBND ngày 08/6/2011. Đây là quan hệ hành chính giữa cơ quan quản lý hành chính với đơn vị trực thuộc (giữa UBND tỉnh Đắk Lắk với Công ty). Đối với Công ty và hộ nhận khoán, quyền và lợi ích của các bên được điều chỉnh bởi hợp đồng khoán gọn được giao kết.

Tại điểm c khoản 2 Điều 2 của Hợp đồng ghi “*Khi vào vụ tưới nước cho cà phê, Công ty mở nước cho bên B tưới với diện tích tưới mương. Diện tích tưới mương Công ty sẽ thu tiền khấu hao hồ đập kênh mương theo đơn giá quy định tại hội nghị người lao động hằng năm*”.

Tại điểm h khoản 2 Điều 3 của Hợp đồng ghi “*Đối với diện tích tưới nước trên hệ thống hồ đập, kênh mương của công ty thì phải nộp tiền khấu hao hồ đập, kênh mương cho bên A theo đơn giá quy định tại hội nghị người lao động hằng năm*”.

Mặc dù, tại điểm c khoản 2 Điều 2 và điểm h khoản 2 Điều 3 của Hợp đồng các bên có thỏa thuận đối với diện tích tưới nước trên hệ thống hồ đập, kênh mương của công ty thì hộ nhận khoán phải nộp tiền khấu hao hồ đập, kênh mương nhưng lại không thỏa thuận cụ thể, rõ ràng, mà lại thỏa thuận theo đơn giá quy định tại Hội nghị người lao động hằng năm, trong khi Hội nghị người lao động hàng năm không quy định về chi phí khấu hao hồ đập, kênh mương. Do đó, có căn cứ xác định hợp đồng khoán gọn vườn cây do Công ty soạn thảo có điều khoản

không rõ ràng về quyền và nghĩa vụ các bên đối với chi phí tưới nước trên hệ thống hồ đập, kênh mương.

Ngày 12/02/2009, Công ty lập Tờ trình số 22/TTr xác định “Công ty thu nhằm tiền khấu hao kênh mương, hồ đập đối với các hộ nhận khoán gọn vườn cà phê có tưới nước trên hệ thống kênh mương, hồ đập của công ty, thời gian thu nhằm từ năm 2011-2017. Mức khấu hao kênh mương, hồ đập theo phương án khoán gọn là 500.000đ/ha/năm. Theo quy định của phương án khoán gọn phần Công ty chịu 51% là 255.000đ/ha/năm, phần hộ nhận khoán là 49% là 245.000.000đ/ha/năm. Nay các hộ nhận khoán yêu cầu Công ty phải trả lại số tiền 51% mà Công ty đã thu nhằm. Công ty đã tiến hành kiểm tra rà soát và tính toán cụ thể theo từng năm số tiền mà công ty đã thu nhằm là 255.000đ/ha/năm phải trả cho hộ nhận khoán gọn có tưới nước trên hệ thống kênh mương, hồ đập của Công ty 7 năm là 1.266.242.988đ”.

Sau khi nhận được tờ trình số 22/TTr ngày 12/02/2009 của Công ty Cà phê Thăng L, UBND tỉnh Đắk Lắk ban hành Công văn số 1293/UBND-KT ngày 18/02/2019 giao Sở Tài chính nghiên cứu, xem xét. Sau khi làm việc với các cơ quan liên quan, Sở Tài chính tỉnh Đắk Lắk đã có Công văn số 770/STC-TCDN ngày 05/4/2019 về việc thanh toán tiền khấu hao kênh mương. Ngày 18/4/2019, UBND tỉnh Đắk Lắk ban hành công văn số 2832/UBND-KT đồng ý chủ trương cho Công ty TNHH MTV cà phê Thăng L hoàn trả lại khoản tiền khấu hao kênh mương, hồ đập mà Công ty đã thu.

Ngày 24/4/2019, Công ty ban hành Thông báo số 72/TB-CT (Viết tắt Thông báo 72) nội dung “Công ty thanh toán khoản tiền khấu hao kênh mương, hồ đập đã thu của các hộ nhận khoán gọn vườn cà phê (phần 51%) từ năm 2011-2017 (có bảng kê chi tiết, cụ thể từng hộ nhận khoán gọn vườn cà phê được nhận kèm theo)”. Ngày 07/11/2020, Công ty ban hành Thông báo 714/TB-CT (Viết tắt Thông báo 714) mời các hộ nhận khoán đến văn phòng Công ty trực tiếp nhận lại tiền khấu hao kênh mương, hồ đập. Trong danh sách các hộ nhận khoán đã nhận và chưa nhận lại tiền mương công ty thu sai giai đoạn 2011-2017, Công ty có thu của ông S 4.550.615 đồng; thu của ông Đ 1.908.420 đồng.

Kể từ khi Công ty ban hành các Thông báo số 72, Thông báo 714 đến nay, trên thực tế thì Công ty đã chi trả lại số tiền khấu hao kênh mương hồ đập cho 352 hộ nhận khoán, với tổng số tiền là 678.970.928 đồng. Do đó, các Thông báo số 72, 714 được xác định là văn bản giải thích về điều khoản chưa rõ, chưa cụ thể của hợp đồng mà các bên đã giao kết và có L cho những hộ nhận khoán. Công ty đã thu chi phí khấu hao kênh mương từ hộ nhận khoán nhưng Công ty đã tự nguyện thông báo trả lại cho các hộ nhận khoán. Bản án sơ thẩm chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn là có căn cứ phù hợp với Hợp đồng giao khoán, Tờ trình số 22/TTr ngày 12/02/2009; Thông báo 72 và Thông báo 714 của Công ty. Do đó, không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của Công ty.

[3] Phần Quyết định của Bản án sơ thẩm về việc “Đình chỉ toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Lê H; Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông Bùi Hữu S với tổng số tiền 111.808.138,2đồng; ông Nguyễn Duy Đồng với tổng

số tiền 114.450.333,2đồng” không có kháng cáo, không bị kháng nghị nên đã có hiệu lực pháp luật.

[4] Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

[1] Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của Công ty Cổ phần cà phê Thắng L. Giữ nguyên Bản án Dân sự sơ thẩm 240/2021/DS-ST ngày 12/7/2021 của Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc;

[2] Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2015; Các Điều 162, 388, 390, 392, 409, 412, 414, 501, 502, 503, 506 của Bộ luật dân sự năm 2005;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

#### ***Tuyên xử:***

#### ***1. Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Bùi Hữu S:***

1.1 Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Bùi Hữu S. Buộc Công ty Cổ phần cà phê Thắng L phải trả cho ông S tiền chi phí bơm nước từ trạm bơm lên bể trung chuyển bể đơn vị 19/8 cho diện tích 1,0245ha (từ năm 2011-2017) là 4.550.615đồng.

1.2 Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông Bùi Hữu S đối với tổng số tiền 111.808.138,2đồng. Ông Bùi Hữu S được quyền khởi kiện lại đối với số tiền trên theo quy định của pháp luật.

#### ***2. Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Lệ H:***

Đình chỉ toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Lệ H về việc: Buộc Công ty Cổ phần cà phê Thắng L phải trả lại cho ông tổng số tiền là 116.358.753,2đồng. Ông Nguyễn Lệ H được quyền khởi kiện lại đối với số tiền trên theo quy định của pháp luật.

#### ***3. Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Duy Đ:***

3.1 Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Duy Đ. Buộc Công ty Cổ phần cà phê Thắng L phải trả lại cho ông Đ số tiền thủy lợi phí tiền khấu hao kênh mương cho diện tích nhận khoán 1,09ha (từ năm 2011-2016) với số tiền là 1.908.420đồng.

3.2 Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Duy Đ đối với tổng số tiền là 114.450.333,2đồng. Ông Nguyễn Duy Đ được quyền khởi kiện lại đối với số tiền trên theo quy định của pháp luật.

*Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.*

[3] Về án phí:

3.1. Án phí Dân sự sơ thẩm

- Bị đơn Công ty Cổ phần cà phê Thắng L phải chịu 322.951 đồng (Ba trăm hai mươi hai nghìn, chín trăm năm mươi một đồng) tiền án phí Dân sự sơ thẩm.

- Hoàn trả cho nguyên đơn ông Bùi Hữu S số tiền 2.908.000 đồng (Hai triệu, chín trăm lẻ tám nghìn) tiền tạm ứng án phí mà ông Bùi Hữu S đã nộp tại Chi Cục thi hành án dân sự huyện Krông P theo biên lai thu số AA/2019/0016001 ngày 26/8/2020.

- Hoàn trả cho nguyên đơn ông Nguyễn Duy Đ số tiền 2.908.000 đồng (Hai triệu, chín trăm lẻ tám nghìn) tiền tạm ứng án phí mà ông Nguyễn Duy Đ đã nộp tại Chi Cục thi hành án dân sự huyện Krông P theo biên lai thu số AA/2019/0015991 ngày 26/8/2020.

- Hoàn trả cho nguyên đơn ông Nguyễn Lê H số tiền 2.908.000 đồng (Hai triệu, chín trăm lẻ tám nghìn) tiền tạm ứng án phí mà ông Nguyễn Lê H đã nộp tại Chi Cục thi hành án dân sự huyện Krông P theo biên lai thu số AA/2019/0015990 ngày 26/8/2020.

### 3.2. Án phí Dân sự phúc thẩm:

Công ty Cổ phần cà phê Thắng L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm. Khấu trừ vào số tiền 300.000 (Ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số 60AA/2021/0006478 ngày 23/7/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Krông P, tỉnh Đắk Lắk.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

### **Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.**

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

### **Nơi nhận:**

- TAND Cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND huyện Krông Pắc;
- Chi cục THADS huyện Krông P;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

**Lưu Thị Thu Hường**